| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 228/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2021
*v/v* Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ 18 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐ-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1981. Địa chỉ: K30/10 T, Tổ 21, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Trung T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: K30/10 T, Tổ 21, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, bảng tự khai đề ngày 16/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Võ Trung T tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống tại kiệt đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đến tháng 4/2017 thì vợ chồng chuyển về chung tại địa chỉ: K30/10 T, Tổ 21, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung về mọi vấn đề trong cuộc sống, mâu thuẫn

về kinh tế, ông Tthường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, con cái, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Tvẫn không thay đổi. Do đó, bà đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ttại Tòa án nhân dân quận Hải Châu và tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ. Sau khi được Tòa án hòa giải và gia đình hai bên khuyên nhủ, bà đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng con cái đoàn tụ. Tuy nhiên, ông Tvẫn không thay đổi gì. Bà xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Trung T.

*Về con chung:* Bà L xác định vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Võ Lê Kỳ D - Sinh ngày: 19/5/2011. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Lê Kỳ D và yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, bà thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con như sau: Bà không yêu cầu ông Tphải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Bà L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

*Về nợ chung:* Bà L xác định vợ chồng không có.

*Đối với bị đơn ông Võ Trung T:* Mặc dù ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Tvẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Võ Trung T.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Võ Lê Kỳ D - Sinh ngày: 19/5/2011 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021 thì nguyên đơn khởi kiện đối với ông T để xin ly hôn và nuôi con, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[1.2] Bị đơn ông Võ Trung T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị L và ông Võ Trung Ttự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2011, quyển số 02/2010 đăng ký ngày 29/6/2011. Do đó, hôn nhân giữa ông Tvà bà L là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà L, HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tkhông có trách nhiệm với cho gia đình, con cái, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm nhau, phần ai người đó sống và mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Tkhông thay đổi. Do đó, vào khoảng cuối năm 2019, bà đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ yêu cầu ly hôn đối với ông T . Sau đó, bà đã rút đơn khởi kiện để về chung sống lại với ông T.Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình theo Quyết định đình chỉ số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2020. Tuy nhiên, ông Tvẫn không thay đổi và mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được nên bà tiếp tục nộp lại đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T . Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Tvẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông Tbỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà L. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông Tđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông T .

[2.2] Về con chung: Bà L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Lê Kỳ D - Sinh ngày: 19/5/2011. Ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. HĐXX nhận thấy: Tại Bản tự khai của cháu D thể hiện cháu có

nguyện vọng sống với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Đồng thời, bản thân cháu là con gái. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao cháu D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của cháu Duyên. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao con chung Võ Lê Kỳ D cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, bà L không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà L và ông Tđều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Tại phiên tòa bà L xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Võ Trung Tvề việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Võ Trung T(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2011, quyển số 02/2010 đăng ký ngày 29/6/2011 tại UBND phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung:

Giao con chung Võ Lê Kỳ D - Sinh ngày: 19/5/2011 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền

ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị L xác nhận không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008711 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Cường Bắc;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký tên và đóng dấu**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**